ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2680 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 03 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy Nông Việt Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Nông Việt Hưng Yên số 05/CV-NV ngày 08/11/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 655/BC-STNMT ngày 27 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy Nông Việt Hưng Yên" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Nông Việt Hưng Yên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Môi trường thuộc Bộ TNMT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Khoái Châu;
- UBND xã Ông Đình;
- Công ty TNHH Nông Việt Hưng Yên;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC *(trả kết quả)*;
- Cổng TTĐT tỉnh *(đăng tải công khai)*;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2[L].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 03/12/2024 10:48:46

Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Nhà máy Nông Việt Hưng Yên
(Kèm theo Quyết định số 2680 /QĐ-UBND ngày 03 /12/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy Nông Việt Hưng Yên.
- Địa điểm thực hiện: Xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nông Việt Hưng Yên.

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

- Diện tích đất thực hiện dự án 13.243,0 m^2 *(trong khu đất có diện tích 14.700 m^2, còn 1.516 m^2 là đất hành lang giao thông)* thuộc địa bàn xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Mục tiêu: Đóng gói và kinh doanh phân bón hữu cơ các loại; kinh doanh vật liệu xây dựng; sản xuất hàng may mặc.

- Quy mô, công suất thiết kế:

+ Đóng gói và kinh doanh phân bón hữu cơ các loại: 1.000 sản phẩm/năm;

+ Kinh doanh vật liệu xây dựng: cát vàng 10.000 m^3/năm; cát đen 10.000 m^3/năm; đá các loại: 10.000 m^3/năm; sắt các loại: 7.000 tấn/năm; xi măng: 10.000 tấn/năm.

+ Hàng may mặc: 1 triệu sản phẩm/năm.

- Quy mô các hạng mục công trình: Theo Mặt bằng quy hoạch tổng thể dự án đầu tư kèm theo Thông báo số 137/TB-SXD ngày 25/5/2021 của Sở Xây dựng.

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích	Số ký hiệu trên MBQHTT
I	***Hạng mục công trình chính***			
1	Nhà điều hành	m^2	270	2
2	Nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm	m^2	300	3
3	Xưởng đóng gói	m^2	1.500	6
4	Xưởng đóng gói	m^2	1.500	11
5	Nhà kho (tập kết vật liệu xây dựng)	m^2	1.800	5
II	***Hạng mục công trình phụ trợ***			
1	Nhà kho	m^2	1.500	10
2	Nhà bảo vệ	m^2	12	1
3	Trạm biến áp	m^2	100	4
4	Nhà ăn và nghỉ ca	m^2	270	9
5	Lán để xe và bể ngầm PCCC	m^2	115,7	8
III	***Hạng mục công trình BVMT***			

1	Trạm xử lý nước thải tập trung	m^2	50	7
2	Khu lưu giữ chất thải rắn	m^2	40	7
IV	***Đất cây xanh, sân bãi***	m^2	2.648	-
V	***Đường giao thông nội bộ***	m^2	3.137,3	-
	Tổng	**m^2**	**13.243**	

1.3. Công nghệ sản xuất, kinh doanh

- Quy trình đóng gói phân bón các loại: Phân bón thành phẩm dạng hạt, viên → bồn nhập liệu → KCS kiểm tra → định lượng, đóng gói → thành phẩm.

- Quy trình sản xuất hàng may mặc: Nhập nguyên liệu → kiểm tra → cắt vải → ép mếch → may thành phẩm → kiểm tra → là hoàn thiện (sử dụng lò hơi điện) → đóng gói, xuất kho.

- Quy trình kinh doanh vật liệu xây dựng:

+ Đối với các loại vật liệu cát, đá: Dự án không nhập, lưu giữ vật liệu xây dựng tại dự án; khi nhận được đơn hàng sẽ chuyển trực tiếp cát, đá từ kho, bãi của nhà cung cấp đến thẳng cho khách hàng.

+ Đối với xi măng, sắt các loại: Dự án nhập và chứa tại kho chứa; khi có đơn hàng sẽ bốc xếp, vận chuyển, xuất bán.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai với diện tích 14.649 m^2.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng; bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện thi công; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, khách hàng tại dự án; bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ, bốc xếp hàng hóa, nguyên liệu; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đóng gói phân bón; bụi phát sinh từ công đoạn cắt, may; mùi, khí thải từ khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, máy phát điện dự phòng; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 0,9 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ.

+ Nước thải xây dựng từ quá trình rửa máy móc, thiết bị; hoạt động thi công xây dựng dự án phát sinh khoảng 2,5 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ.

- Giai đoạn vận hành:

+ Không phát sinh nước thải sản xuất; nước cấp cho hệ thống điều hòa, làm mát nhà xưởng sản xuất hàng may mặc khoảng 2 m^3 được tuần hoàn, tái sử dụng, không thải ra môi trường.

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 21,5 m^3/ngày đêm (trong đó: nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của công nhân viên khoảng 21 m^3/ngày đêm, nước thải sinh hoạt phát sinh từ khách hàng ra, vào dự án khoảng 0,5 m^3/ngày đêm) có thành phần ô nhiễm chủ yếu là TSS, chất hữu cơ, dầu mỡ, coliform.

3.1.2. Bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động, giải phóng mặt bằng, thi công san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ, bốc xếp hàng hóa, nguyên liệu, chủ yếu từ quá trình bốc dỡ, tập kết và xuất bán vật liệu xây dựng (xi măng, sắt các loại): Dự báo lượng bụi phát sinh nhỏ, cục bộ.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đóng gói phân bón: Dự án chỉ tiến hành đóng gói thành phẩm phân bón hữu cơ dạng hạt, viên nên dự báo tác động không đáng kể.

+ Bụi phát sinh từ công đoạn cắt, may với nồng độ khoảng 0,23 mg/m^3 (thấp hơn giới hạn cho phép môi trường lao động).

+ Mùi, khí thải từ khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với thành phần đặc trưng là khí H_2S, CH_4, …

+ Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông, vận chuyển, máy phát điện dự phòng chủ yếu là các khí CO, NO_x. Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 0,01 tấn/ngày, gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm…

+ Chất thải rắn thông thường: Phát sinh khoảng 170 kg/tháng trong quá trình thi công xây dựng, gồm: đất cát, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, bao bì đựng nguyên vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép.

+ Khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa khoảng 2.929,8 m^3 được tận dụng để trồng cây xanh tại dự án, không vận chuyển ra ngoài khuôn viên dự án.

+ Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 24,5 kg/tháng trong quá trình thi công xây dựng, gồm: Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ; dầu động cơ, hộp số và bôi

trơn tổng hợp thải; bóng đèn huỳnh quang thải; bao bì thải chứa thành phần nguy hại; đầu mẩu que hàn thừa.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 150 kg/ngày (tương đương 45 tấn/năm), gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm…

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng khoảng 2.080 kg/năm, gồm: Bao bì đóng gói sản phẩm phân bón hỏng thải; găng tay, ủng hỏng rách không dính thành phần nguy hại; bụi vải; vải thừa; bao bì carton thải; nilon thải; linh kiện, phụ kiện hỏng thải (mex, chỉ, khóa, cúc, nhãn mác,…); bao bì giấy, thùng carton phát sinh từ hoạt động văn phòng. Ngoài ra còn phát sinh: bùn thải từ hệ thống bể tự hoại, hố ga thoát nước và hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 275 kg/năm, gồm: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải; hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực); chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn hoạt động: Từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, máy phát điện dự phòng.

3.4. Các tác động khác

Trong quá trình hoạt động của Dự án có thể xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố liên quan đến công trình xử lý nước thải tác động đến môi trường.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động loại 1.200 lít; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không thải ra môi trường.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải thi công, vệ sinh máy móc, thiết bị được thu gom về hố ga lắng cặn đảm bảo vệ sinh môi trường, tái sử dụng cho quá trình thi công, không thải ra môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại với tổng thể tích 40 m^3, nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ có thể tích 02 m^3, sau đó được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải nước thải sinh hoạt tập trung công suất 25 m^3/ngày đêm đảm bảo đạt QCĐP 01:2019/HY (K=1,2, K_{hy}=0,9) trước khi thải ra môi trường, quy trình: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → hố thu gom → bể điều hòa/yếm khí → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bồn lọc áp lực → bể khử trùng → nước thải sau xử

lý đạt QCĐP 01:2019/HY (K=1,2, K_{hy}=0,9) thải ra kênh tưới tiêu kết hợp N6-6 thoát ra kênh tiêu T35 thuộc địa bàn xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Tọa độ điểm xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0):* X= 2306769,773; Y= 550874,166.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Không phát sinh nước thải sản xuất; thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 25 m^3/ngày đêm đạt QCĐP 01:2019/HY (K=1,2, K_{hy}=0,9) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt thải ra kênh tưới tiêu kết hợp N6-6 thoát ra kênh tiêu T35 thuộc địa bàn xã Ông Đình, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường; xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Không sử dụng các loại xe, máy không đủ tiêu chuẩn lưu hành, thi công trong Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc công trình và phương tiện vận tải.

+ Phủ bạt kín các xe chở vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi.

+ Không vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm.

+ Đặt các biển báo, phân vùng cách ly an toàn xung quanh khu vực thi công.

+ Thường xuyên tưới ẩm, phun nước các đoạn đường xung quanh Dự án để hạn chế bụi.

+ Lắp đặt tấm chắn để hạn chế bụi phát sinh ra xung quanh khu vực thi công.

+ Trang bị bảo hộ và công cụ lao động thích hợp cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải và đảm bảo an toàn lao động

- Giai đoạn vận hành:

+ Đầu tư các máy cắt, may đồng bộ hệ thống thu hồi bụi, quy trình: Bụi phát sinh → họng hút/quạt hút → túi thu bụi → khí sạch ra môi trường nhà xưởng.

+ Lắp đặt hệ thống làm mát, điều hòa không khí trong nhà xưởng cắt may đảm bảo điều kiện lao động cho công nhân.

+ Tăng cường trồng cây xanh, cảnh quan môi trường; công tác vệ sinh công nghiệp, điều tiết các phương tiện giao thông ra vào dự án.

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung; các yêu cầu vận hành và giám sát trạm xử lý nước thải tập trung.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường không khí, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05:2023/BTNMT.

+ Thu hồi, xử lý bụi tại các máy may, máy cắt đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc - QCVN 02:2019/BYT; tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

độ rung, các Quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan và các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa dung tích 100 lít để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: Thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải nguy hại: Bố trí 03 thùng chứa dung tích 120 lít có nắp đậy để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thiết bị, phương tiện thu gom, lưu giữ tạm thời về khu lưu giữ chất thải tạm thời có diện tích 10 m^2; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn công nghiệp: Bố trí thiết bị, phương tiện thu gom, lưu giữ tạm thời về khu lưu giữ chất thải tạm thời có diện tích 20 m^2; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải nguy hại: Bố trí thiết bị, phương tiện thu gom, lưu giữ tạm thời về khu lưu giữ chất thải tạm thời có diện tích 10 m^2; có hệ thống rãnh thu và hố thu gom chất thải lỏng, dán biển cảnh báo nguy hiểm theo TCVN 6707:2009, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Các máy móc tham gia thi công sẽ được kiểm tra, bao dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động tốt, tiếng ồn tạo ta không vượt quá giới hạn cho phép.

- Giai đoạn vận hành:

+ Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao.

+ Tăng cường trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh để tạo cảnh quan môi trường.

+ Tuyền truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân làm việc tại Dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; trường hợp, hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố và chưa khắc phục được ngay, Công ty sẽ dừng hoạt động kinh doanh, tuyệt đối không xả nước nước chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

** Giám sát không khí xung quanh:*

- Số vị trí: 02 điểm.
- Vị trí giám sát: Tại khu vực đầu và cuối khu đất thực hiện dự án.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO_2, CO, NO_2, vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió).
- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần trong quá trình xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

** Giám sát chất thải rắn:*

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn tạm thời.
- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.
- Tần suất: Thường xuyên, định kỳ tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.3. Giai đoạn vận hành chính thức

** Giám sát nước thải:*

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục và định kỳ nước thải theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn

thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; định kỳ 01 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất trồng lúa trình cấp có thẩm quyền chấp thuận và bảo vệ, sử dụng lượng đất hữu cơ này theo quy định tại Luật Trồng trọt, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để tiết kiệm, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Thực hiện việc cấp giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.